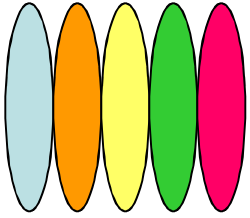


CÁC PP CHẾ BIẾN THUỐC YHCT

LỚP DSDH

BIÊN SOẠN: ThS. Phạm Thị Hoá

PP chung chế biến các vị thuốc YHCT được ban hành kèm theo QĐ số 39/2008/QĐ-BYT ngày 15/12/2008 của Bộ trưởng BYT



MỤC ĐÍCH CHẾ BIẾN ĐÔNG DƯỢC

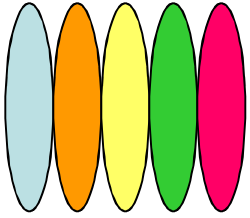
Giảm độc tính (Mã tiền + Cam thảo)

Giảm mùi vị khó chịu (Kê nội kim , Tầm vôi +cám, sao vàng)

Tạo ra tác dụng trị bệnh mới (Bồ hoàng sống hành huyết, sao đen cầm máu)

Tăng hiệu lực điều trị (Cam thảo, Hoàng kỳ chích mật)

Giảm tác dụng phụ (Bán hạ + Gừng)



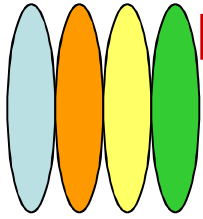
MỤC ĐÍCH CHẾ BIẾN ĐÔNG DƯỠC

Thay đổi tính vị -> dẫn vào tạng phủ (giấm, rượu, nước muối...)

Giảm tính bền vững cơ học, tăng khả năng giải phóng hoạt chất, tăng hiệu lực của thuốc (còn hoà tan hoạt chất, làm nước dễ thấm vào DL, nâng cao hiệu suất chiết. Giấm acid hoá môi trường, chuyển alk kiềm sang dạng muối dễ tan trong nước)

Làm sạch thuốc.

Thuận lợi cho bảo quản



MỘT SỐ PHỤ LIỆU THƯỜNG DÙNG CHẾ BIẾN DL

CAM THẢO

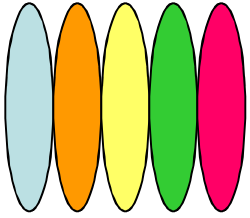
Vị ngọt, tính bình, quy 12 kinh. Chứa saponin triterpen, đường...

- + Tăng tác dụng nhuận bổ, kiện tỳ, ích khí.
- + Tăng tác dụng dẫn thuốc vào 12 kinh
- + Hiệp đồng tác dụng để trị các chứng ho đờm, viêm loét dạ dày.
- + Giảm độc tính của vị thuốc, điều hoà tính mãnh liệt của thuốc

Tắm nước Cam thảo:

- + Thuốc long đờm, chỉ khái: Bán hạ, Viễn chí...
- + Thuốc bổ: Bạch truật..
- + Thuốc độc: Phụ tử, Mã tiền, Hoàng nàn...

Dịch CT khoảng 5 – 20%, nấu lấy nước để ngâm hoặc tắm.



GỪNG

Vị cay, tính ôn, quy kinh Tỳ, Vị, Phế. Tinh dầu, chất cay, nhựa, tinh bột.

+ Dẫn thuốc vào kinh tỳ, vị, ôn trung tiêu, tăng tác dụng chỉ ẩu.

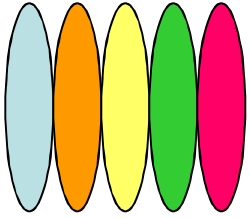
+ Dẫn thuốc vào kinh phế, ôn phế, tăng tác dụng chỉ khái.

+ Tăng tính ôn của thuốc.

+ Tăng tác dụng phát tán của thuốc

+ Giảm tính kích ứng của một số vị thuốc ngứa.

Tầm gừng: Bán hạ, Đảng sâm, Thục địa, Trúc nhự, Trúc lịch, Thiên môn, Mạch môn, Sa sâm...Dung dịch Gừng khoảng 5 – 20%, giã nát, thêm nước, vắt lấy dịch tầm hoặc ngâm thuốc.

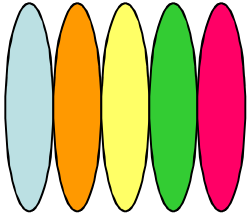


ĐẬU ĐEN

Vị ngọt, tính bình, vỏ hạt có chứa anthocyan màu tím đen, hạt chứa protid (24,2%), nhiều acid amin, lipid, glucid, muối khoáng, vitamin...

- + Do có màu đen nên dẫn thuốc vào kinh Thận (Hà thủ ô đỏ)
- + Giảm độc tính của một số thuốc (Phụ tử, Mã tiền, Ba đậu)
- + Tăng tác dụng bổ dưỡng

Thường dùng lượng Đậu đen khoảng 10 - 20% so với thuốc, nấu lấy dịch nước, dùng dịch này để tắm hoặc nấu với thuốc.

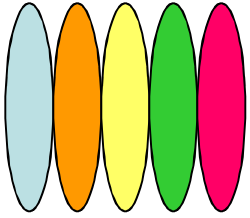


ĐẬU XANH

Vị ngọt, tính hàn, vỏ hạt có chứa flavonoid, tanin, chất béo; hạt chứa glucid (53,1%), protid (23,4%), cellulose (4,7%), khoáng chất (Ca, P, Fe...), vitamin (B1, B2, PP, C...), caroten,...

- + Giảm độc tính của một số thuốc (Mã tiền)
- + Giúp cơ thể giải độc: flavonoid trong vỏ hạt có khả năng hạn chế tổn thương gan chuột gây bởi CCl_4 hoặc một số thuốc trừ sâu
- + Tăng tác dụng bổ dưỡng

Dùng lượng Đậu xanh khoảng 10 - 20% so với thuốc, tán hoặc giã dập thành bột thô, ngâm cùng với thuốc.



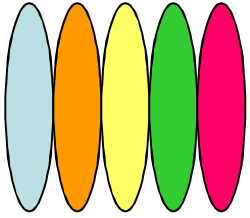
MUỐI

Vị mặn, ngọt, tính hàn, chứa NaCl và một số nguyên tố vi lượng.

Quy kinh Thận, Tâm, Vị.

- + Dẫn thuốc vào kinh Thận (Đỗ trọng, Ba kích...)
- + Dẫn thuốc xuống hạ tiêu
- + Làm tăng tác dụng nhuận táo, làm mềm chất rắn (nhuyễn kiên)
- + Bổ sung một số nguyên tố: Na, Cl, Iod...
- + Bảo quản thuốc, hạn chế mốc mọt

Dùng lượng muối khoảng 1 - 5% so với thuốc, hoà tan trong nước để tắm hoặc ngâm thuốc.



RƯỢU

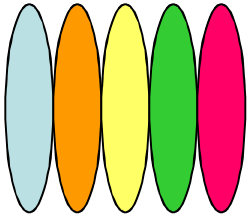
Vị cay, ngọt, tính nhiệt, có độc, hoạt chất là alcol ethylic, một số chất thơm.

+ Tăng tác dụng thăng đề, dẫn thuốc lên thượng tiêu và ra ngoài bì phu (Thăng ma, Sài hồ)

+ Giảm tính hàn, tăng tính ấm (Hoàng liên, Hoàng cầm)

+ Bảo quản thuốc: rượu làm đông vón một số thành phần dễ gây nấm mốc như chất nhày, pectin...

Thường dùng khoảng 5 - 20% so với thuốc.



GIẤM

Vị chua, tính lợng, không độc. Có acid acetic, enzym thủy phân tinh bột, pH khoảng 2 - 3

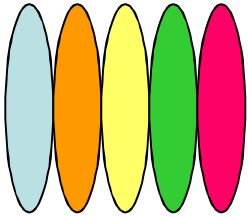
+ Tăng dẫn thuốc vào kinh Can, Đờm

+ Tăng tác dụng hành khí, hoạt huyết, giảm đau

+ Acid hóa môi trường, có thể tăng khả năng hòa tan một số thành phần trong vị thuốc (alkaloid)

+ Trung hòa Ca(OH)_2 trong một số vị thuốc (Cửu khổng, Mẫu lệ, Trân châu mẫu...)

Lượng giấm dùng để tẩm khoảng 5 -10% so với thuốc, nếu dùng để ngâm các vị thuốc thì lượng giấm có thể gấp 2 -3 lần so với thuốc.

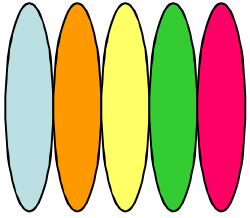


MẬT ONG

Vị ngọt, tính bình. Quy kinh Tâm, Phế, Tỳ, Vị, Đại trường. Chứa các monosaccharide (glucose, levulose: 65-70%), disaccharide (saccharose 2-3%), acid hữu cơ (formic, tartaric, acetic), vitamin (A, D, E), enzym (invertin, amylase, lipase)

- + Tăng tác dụng kiện tỳ (nhờ các enzym, vitamin), bổ khí (đường)
- + Tăng tác dụng nhuận, bổ
- + Bảo quản thuốc: lớp caramen tạo thành trong quá trình sao thuốc có tác dụng bảo vệ, hạn chế nấm mốc
- + Hợp đồng với thuốc để trị các bệnh đường tiêu hóa: viêm đại tràng, viêm loét dạ dày...

Dùng lượng mật ong khoảng 10 -20% so với thuốc, hòa tan mật với khoảng 50% nước, tẩm dịch này vào thuốc, ủ đến khi thuốc hút hết dịch, phơi hoặc sấy nhẹ đến khô, sao nhỏ lửa đến khi vàng đều



HOÀNG THỔ, BÍCH THỔ

Hoàng thổ là loại đất sét vàng, bích thổ là đất vách tường để lâu ngày.

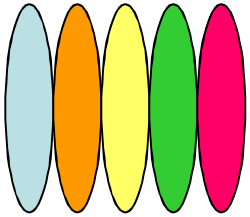
Hoàng thổ vị ngọt, tính bình, hơi lương, chứa nhiều muối sắt

Bích thổ vị ngọt, tính ôn, không độc. Chủ yếu là các chất vô cơ,

+ Tăng tác dụng kiện tỳ, hòa vị

+ Bổ sung một số nguyên tố vô cơ vi lượng và đa lượng

Dùng lượng đất khoảng 10 - 20% so với thuốc, tán thành bột, hoà trong nước, khuấy kỹ, gạn lấy dịch trong để tẩm thuốc.



ĐỒNG TIỆN

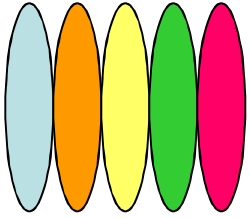
Đồng tiện là nước tiểu của bé trai < 5 tuổi, lấy vào buổi sáng, lấy đoạn giữa (bỏ nước tiểu đầu và cuối)

Vị mặn, tính hàn, quy kinh Tâm, Thận. Có chứa các sắc tố (urocrom, urobilin, porphirin), các hợp chất nitơ (ure, amoniac, acid uric, creatinin, acid puric, 20 loại acid amin của cơ thể), chất vô cơ (Na, K, Ca, NH₄, Cl, SO₄, PO₄...), hormon (androgen), đường khử, enzym, vitamin...

+ Tăng tác dụng tư âm giáng hỏa, tăng tác dụng hành huyết tiêu ứ

+ Giảm tính táo, tăng tính nhuận

Lượng đồng tiện khoảng 10 – 20% so với thuốc.



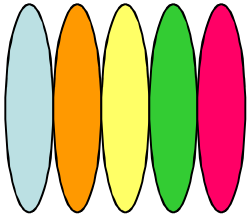
NƯỚC VO GẠO

Dùng nước vo gạo nếp hoặc tẻ.

- + Tăng tác dụng kiện tỳ hòa vị, giảm tính táo
- + Tăng tính nhu nhuận

Cách chế: 1kg gạo lấy khoảng 2 -3 lít nước dùng để ngâm thuốc.
Nếu dùng để tắm thuốc thì cứ 1kg gạo lấy 100 – 200ml nước gạo đặc.

Chú ý: dịch nước vo gạo để lâu sẽ bị lên men, có mùi chua, thối, pH thay đổi từ trung tính sang acid, ảnh hưởng đến độ tan của một số hoạt chất (alkaloid, coumarin), các enzym có thể gây độc.



CÁC PP CHẾ BIẾN DL

SƠ CHẾ

LỰA CHỌN



RỬA



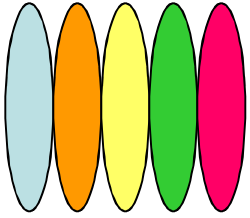
Ủ (NGÂM)



THÁI



PHƠI



CÁC PP CHẾ BIÊN DL

PHỨC CHẾ

1. SAO

TRỰC TIẾP

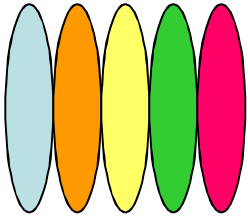
TRUNG GIAN

2. TẦM SAO

3. THỦY BÀO

4. HƠ, NƯỚNG, LÙI, ĐỐT, NUNG

5. Ủ, NGÂM, HẦM, SẮC, NẤU, ĐỒ, CHƯNG

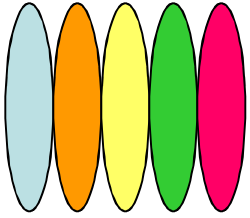


HỎA CHẾ

SAO

Sao trực tiếp:

- + Sao qua (vi sao): làm khô, tránh mốc mọt và ổn định thành phần hóa học của thuốc
- + Sao vàng (hoàng sao): tăng tác dụng quy tỳ, tăng mùi thơm
- + Sao vàng cháy cạnh: mặt ngoài cháy xém, trong là màu DL, giảm bớt mùi vị khó chịu của thuốc.
- + Sao vàng hạ thổ: cân bằng âm dương cho vị thuốc
- + Sao đen: ngoài cháy đen, trong vàng, tăng tác dụng cầm máu. tthực
- + Sao tồn tính: giống sao đen, DL cháy khoảng 70% tăng tác dụng tiêu thực, cầm máu, giảm tính mãnh liệt của thuốc

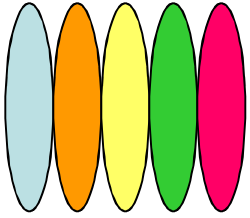


HỎA CHẾ

SAO

Sao gián tiếp:

- + Sao cách gạo (mỡ sao): tăng tác dụng kiện tỳ, giảm tính khô táo của thuốc .
- + Sao cách cát: để nhiệt độ cao truyền đồng đều vào thuốc . Sao Tử hà sa, Nhung hươu, Xuyên sơn giáp..
- + Sao cách Hoạt thạch hoặc Văn cáp: nhằm tránh kết dính thuốc. Sao A giao, Nhũ hương...
- + Sao cám: giảm tính mảnh liệt của DL, giảm độ tanh, ngăn tinh dầu bay hơi, tăng tính kiện tỳ. Sao Tầm vôi, Bạch truật...

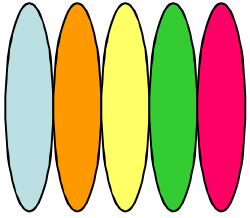


TẨM SAO

Trộn DL đã phiến vào dung dịch nước gừng, muối, Đậu đen...cho đủ ướt, để cho ngấm 2 – 4 giờ rồi sao vàng.

Mục đích:

- Để thoát hoạt chất
- Diệt men
- Diệt vi khuẩn, nấm mốc...
- Làm thay đổi tính năng, hoạt chất của thuốc

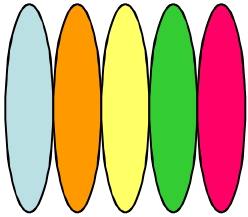


THUY PHU

Là phương pháp tán thuốc trong nước thành bột mịn. Thường áp dụng cho các vị thuốc có nguồn gốc khoáng vật như chu sa, thần sa.

Mục đích:

Chống sự tăng nhiệt độ trong khi tán do ma sát sinh ra, thu được bột thuốc nhỏ mịn, tránh sự bay bụi thuốc.



NGÂM

Cho dược liệu vào trong nước hay dịch phụ liệu trong một thời gian, sau đó gạn bỏ dịch.

Dịch ngâm có pH khác nhau có thể làm thay đổi độ tan của các chất hoá học khác nhau.

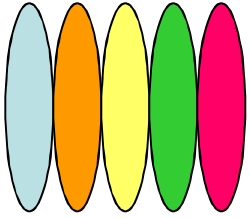
+ pH trung tính: nước, dịch quả Bồ kết, Cam thảo, Gừng, Đậu đen... hòa tan được các muối alkaloid, glycozid dạng kết hợp, tanin, acid hữu cơ, đường, vitamin, pec tin, chất nhày.

+ pH acid: giấm, dịch phèn chua... Hoà tan được các chất giống như pH trung tính

+ pH kiềm: nước vôi, nước tro bếp... hoà tan được các chất giống như pH trung tính (trừ muối Alkaloid)

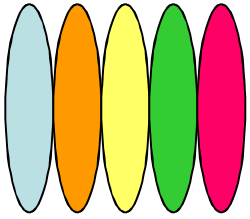
.+ pH thay đổi: nước vo gạo sau ngâm 1 ngày có thể từ pH trung tính sang pH acid do bị lên men. Đồng tiền sau ngâm 1 ngày có thể từ pH trung tính sang pH kiềm do tạo thành một số chất như acid uric, muối urat phân huỷ.

Thời gian ngâm phụ thuộc vào vị thuốc cụ thể



NUNG

Nhiệt độ cao, nhiệt lượng lớn phá vỡ cấu trúc của thuốc, nhiệt độ nung có thể lên đến hàng ngàn độ (phương pháp vô cơ hóa)
Đó là trường hợp chế than hoạt tính, sản phẩm nung xương động vật (carbon, CaCO_3 , $\text{Ca}_3(\text{PO}_4)_2$, sắt oxyt, sắt silic, Al, Mg, một số muối hoà tan...), sản phẩm nung Cửu khổng, Mẫu lệ là các chất vô cơ (CaCO_3).



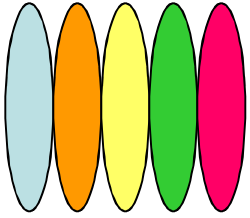
CHẾ, LÙI, NƯỚNG, HOẢ PHI

Chế sương (thăng hoa) Dùng tinh chế thuốc có nguồn gốc khoáng vật, hoạt chất là các chất vô cơ có tính thăng hoa, ở nhiệt độ cao, hoạt chất thăng hoa, tách ra khỏi các tạp chất khác (Thạch tín)

Lùi (vùi, ổi): Bọc vị thuốc vào giấy ẩm hay bột hồ ẩm, bột cám gạo rồi vùi vào tro nóng đến khi khô, bóc bỏ lớp vỏ ngoài (Sinh khương, Mộc hương, Ba đậu). Lùi để giảm bớt chất dầu, giảm tính kích ứng của vị thuốc

Nướng: Nướng để làm chín thuốc, giảm tính mãnh liệt của thuốc (Tắc kè).

Hoả phi: phương pháp sao trực tiếp, áp dụng với một số vị thuốc là khoáng vật như thạch cao chế thành thạch cao phi. Loại trừ nước trong cấu trúc phân tử, tăng khả năng hút nước, làm săn se niêm mạc, nhiệt độ càng cao, số phân tử nước giảm đi càng nhiều.

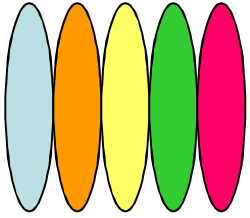


Ủ

Dùng nước hay dịch phụ liệu tẩm vào vị thuốc vài giờ đến vài ngày, dùng vải ủ đến khi đạt yêu cầu riêng của từng vị thuốc.

Mục đích:

- Tăng tác dụng trị bệnh nhờ tác dụng hiệp đồng giữa thuốc và phụ liệu
- Tăng tác dụng chỉ khái hoá đờm, chống nôn
- Tăng tác dụng nhuận bổ...
- Để lên men
- Ủ để làm mềm vị thuốc, thuận lợi cho việc phân chia thuốc



CHƯNG, ĐỒ, NẤU

Chưng: Đun nóng thuốc với nước hay dịch phụ liệu bằng cách đun cách thủy.

Mục đích:

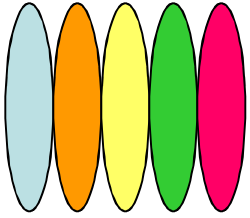
Chuyển hoá thuốc trong điều kiện nhiệt độ cao, khoảng 100⁰C

Làm giảm tác dụng phụ của thuốc

Chưng không đủ thời gian thì vị thuốc dễ bị mốc. Nếu đủ thời gian thì vị thuốc thơm, bảo quản được lâu, ít bị mốc mọt.

Đồ: Dùng hơi nước đun sôi để làm mềm thuốc, giảm mùi vị khó chịu của thuốc hoặc làm chín thuốc, ổn định thuốc (diệt men, mốc, mọt).

Nấu (đun, chử): Cho vị thuốc nấu trực tiếp với nước hoặc dịch phụ liệu đến khi ngấm đều vào thuốc.



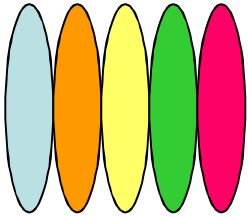
CHÍCH

Là phương pháp tẩm vào vị thuốc một hay nhiều loại dịch phụ liệu, ủ đến khi thấm đều thì sao hoặc nướng.

Mục đích:

- + Tăng tác dụng điều trị
- + Thay đổi tính vị, khuynh hướng tác dụng của thuốc: tăng tính ấm, giảm tính hàn.
- + Thay đổi pH môi trường để ảnh hưởng đến độ hoà tan của các thành phần hóa học trong vị thuốc.

Phụ liệu chích: nước gừng, nước vo gạo, nước đậu đen, dịch mật ong, dịch nước hoàng thổ, dịch nước bích thổ, dung dịch muối, giấm, rượu....



SẮC

Sắc thuốc nhiều lần, thu dịch sắc, gộp lại, cô đặc để dùng.

Sắc thuốc thường dùng cho chiết xuất thuốc thang hoặc cao thuốc.

Có 2 phương pháp sắc thuốc, đó là dùng văn hỏa và vũ hỏa.

Văn hỏa: sắc thuốc nhỏ lửa, thời gian nấu kéo dài 1 – 4 giờ hoặc hơn. Thường áp dụng cho cho các thuốc có cấu trúc rắn chắc, các bài thuốc bổ (bát trân, quy tỳ, bổ trung ích khí...)

Vũ hỏa: sắc thuốc to lửa, dịch thuốc sôi mạnh. Thời gian đun khoảng 15 – 30 phút. Thường áp dụng sắc các thang thuốc có chứa tinh dầu như: quế chi thang, tang cúc ẩm, khương hoạt thăng thấp thang... các bài thuốc có tác dụng giải biểu, tán phong hàn, hành khí trệ.